TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG
Bản án số: **04**/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 08-01-2018
"V/v: Tranh chấp xin ly hôn "

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Văn Điền
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Dương Hải Long
Bà Trần Thị Ngọc Kim

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Lan - Là thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 491/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc "*Xin ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27/11/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm D, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: đường Hàn Thuyên, Phường Đ, thành phố ĐL, tỉnh LĐ (*Có mặt*).

Bị đơn: Chị Chu Thị N, sinh năm: 1991

Địa chỉ: đường Hàn Thuyên, Phường Đ, thành phố ĐL, tỉnh LĐ (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 7 năm 2017 nộp tại Tòa án thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Phạm D với chị Chu Thị Nh kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh QN, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại số 06, đường Hàn Thuyên, Phường Đ, thành phố ĐL, tỉnh LĐ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thí phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp tính cách, chị Nh thường xuyên bài bạc, không lo cho gia đình. Anh D đã nhiều lần bỏ qua cho chị N và khuyên răn nhưng chị Nh không sửa đổi. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân

không thể hàn gắn được. Nên anh D yêu cầu Tòa án cho anh D được ly hôn chị Nh.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Nguyên V, sinh ngày 09/9/2011, hiện đang ở với anh D. Ly hôn anh D yêu cầu được nuôi con Phạm Nguyên V, anh D không yêu cầu chị Nh cấp dương nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, đã tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng chị Chu Thị Nh cũng không đến tòa. Nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh Phạm D yêu cầu xin ly hôn chị Chu Thị Nh và yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán từ khi nhận đơn đến lúc đưa vụ án ra xét xử, xác định tư cách tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự cũng như chứng cứ của vụ án, việc hòa giải đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định.

Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Phạm D và chị Chu Thị Nh là hợp pháp, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp tính cách, chị Nh không lo cho gia đình, thường xuyên bài bạc, anh D đã nhiều lần bỏ qua cho chị Nh nhưng chị Nh không sửa đổi nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D.

Về con chung: Giao con chung tên Phạm Nguyên V, sinh ngày 09/9/2011, cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành, anh D không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con chung.

Không yêu cầu về tài sản chung, nợ chung không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm D yêu cầu ly hôn chị Chu Thị Nh, yêu cầu nuôi con nên xác định quan hệ tranh chấp"Xin ly hôn" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hiện nay chị Chu Thị Nh có đăng ký tạm trú tại số 06, đường Hàn Thuyên, Phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, nên căn cứ Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập, niêm yết hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Do đó căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Dvà chị Chu Thị Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân, Phường 5, thành phố ĐL, tỉnh LĐ là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp tính cách, chị Nh thường xuyên bài bạc, không lo cho gia đình, nên vợ chồng thường xuyên cải vã không có hạnh phúc. Việc mâu thuẫn của vợ chồng, hai bên gia đình cũng nhiều lần động viên hàn gắn nhưng không có kết quả. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, tại phiên tòa đã động viên anh D bỏ qua lỗi lầm của chị Nh để đoàn tụ gia đình nuôi dạy con chung nhưng anh D không đồng ý vì tình cảm không còn với chị N. Anh D xác định tình cảm không còn không thể hàn gắn, hạnh phúc vợ chồng không thể kéo dài được nữa, anh D cũng cho chị Nh nhiều cơ hội để sửa sai nhưng không có kết quả. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Nh được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến tòa thể hiện sự không mong muốn đoàn tụ gia đình. Do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Anh D xác nhận có 01 con chung tên Phạm Nguyên V, sinh ngày 09/9/2011 hiện đang ở với anh D. Để đảm bảo quyền lợi của trẻ em. Nên tiếp tục giao cháu Phạm Nguyên V cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, vì vậy căn cứ Điều 81 của luật hôn nhân và gia đình giao con chung Phạm Nguyên V cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành.

[5] Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Anh D không yêu cầu chị Nhg cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về tài sản chung: Không có.

[7] Về nợ chung**:** Không có.

[8] Về án phí: Anh D phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39, 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm D đối với chị Chu Thị Nh. Cho ly hôn giữa anh Phạm D và chị Chu Thị Nh

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung tên Phạm Nguyên V, sinh ngày 09/9/2011 cho anh Phạm D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm D không yêu cầu chị Chu Thị Nh cấp dưỡng nuôi con chung.

Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Anh Phạm Dphải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (được trừ toàn bộ vào số tiền 300.000đ anh Dđã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2016/0001690 ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt).

Anh D có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án lên Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng chị Nh vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc (niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP Đà Lạt;
- Chi cục THA Đà Lạt;
- UBND xã Nghĩa Hòa,
Tư Nghĩa, Quảng Ngãi,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Trần Văn Điền